

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoa.

Bà Huỳnh Thị Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Châu T, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Châu T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Phương Đ kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là xã T, huyện T). Anh chị chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 01 năm 2022 thì càng trầm trọng không thể hàn gắn, anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Anh T và chị Đ có 01 con chung là cháu Võ Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 30/4/2002. Hiện tại do cháu Quỳnh N đã thành niên, nên anh T không yêu cầu giải quyết gì về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị Đ không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Đ vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Võ Châu T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương Đ nên đây là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương Đ có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Võ Châu T có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Phương Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị Đ.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị Đ chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là xã T, huyện T), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 07/12/1999 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa anh T và chị Đ xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng chị Đ vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ chị Đ không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị với anh T.

Thấy rằng, giữa anh T và chị Đ không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị Đ đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T và chị Đ có 01 con chung là cháu Võ Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 30/4/2002. Hiện tại cháu Quỳnh N đã thành niên, anh T không yêu cầu giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Châu T, anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương Đ.

2. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008170 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên anh T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm